

TỔNG CỤC HẢI QUAN



BÀI GIẢNG

XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Hà Nội, năm 2022

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ XPVP HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

1

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012
 - Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2012
-

2

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC

3

- Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021)

4

Thông tư 90/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 quy định các biểu mẫu để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUYÊN ĐỀ

1. Những vấn đề chung về XLVPHC
2. Quy định của pháp luật về Xử lý VPHC trong lĩnh vực hải quan
3. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại về Quyết định XPVPHC

CÁC NHÓM VI PHẠM PHÁP LUẬT

Gồm 4 nhóm sau:

1. Vi phạm pháp luật hình sự
2. Vi phạm pháp luật hành chính.
3. Vi phạm pháp luật dân sự
4. Vi phạm pháp luật về kỷ luật – lao động (thường trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị...).

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

I: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- **Vi phạm hành chính** là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm QĐPL về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính
- **Xử phạt vi phạm hành chính** là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính
- **Tái phạm** là việc cá nhân, tổ chức đã bị ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử phạt; cá nhân đã bị ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa hết thời hạn được
- coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà lại thực hiện hành vi thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đó.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

3. *Vi phạm hành chính nhiều lần* là trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính này nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý.

4. *Vi phạm hành chính có tổ chức* là trường hợp cá nhân, tổ chức câu kết với cá nhân, tổ chức khác để cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

5. *Tình thế cấp thiết* là tình thế của cá nhân, tổ chức vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

6. *Phòng vệ chính đáng* là hành vi của cá nhân vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích nói trên.

7. *Sự kiện bất ngờ* là sự kiện mà cá nhân, tổ chức không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi nguy hại cho xã hội do mình gây ra.

8. *Sự kiện bất khả kháng* là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

II: NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT KHOẢN 1 ĐIỀU 3 LUẬT XỬ LÝ VPHC

CÓ 6 NGUYÊN TẮC CƠ BẢN:

1

Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật

2

Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.

3

Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

II: NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT KHOẢN 1 ĐIỀU 3 LUẬT XỬ LÝ VPHC

CÓ 6 NGUYÊN TẮC CƠ BẢN:

4

Chỉ XPVPHC khi có hành vi VPHC do pháp luật quy định; Một hành vi VPHC chỉ bị xử phạt một lần. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi VPHC thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi VPHC đó. Một người thực hiện nhiều hành vi VPHC hoặc VPHC nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng.

5

Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính.

6

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

II: NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT

Nghị định 102/2021/NĐ-CP bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 NĐ 128:

- Tổ chức, cá nhân thực hiện VPHC nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

- Trừ trường hợp thực hiện từng hành vi vi phạm quy định tại:

+ Điểm a, b, d khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 7;

+ Khoản 1, 2, 3, điểm d khoản 4, các điểm a, b c, d khoản 6 Điều 8;

+ Điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 11.

Từng hành vi được xác định là thực hiện trên nhiều tờ khai/chứng từ thuộc hồ sơ HQ ở các thời điểm đăng ký tờ khai HQ khác nhau, được phát hiện ở cùng một thời điểm nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý thì XPVPHC một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng VPHC nhiều lần đối với hành VPHC đó.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

III: THỜI HIỆU XỬ PHẠT

Điều 6 Luật Xử lý vi phạm

- Thời hiệu xử phạt VPHC đối với các hành vi vi phạm về thuế (khai sai làm thiếu nghĩa vụ thuế; trốn thuế) là **05 năm**, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.
- Thời hiệu xử phạt VPHC về xuất khẩu, nhập khẩu là **02 năm**;
- Thời hiệu xử phạt đối với các trường hợp do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến cũng được tính như trên (05 năm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế; 02 năm đối với các hành vi vi phạm khác).
- Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

THỜI HẠN ĐƯỢC COI LÀ
CHƯA BỊ XỬ LÝ VPHC (ĐIỀU 7)

Trong 06 tháng, kể từ ngày
chấp hành xong quyết định
xử phạt cảnh cáo.

01 năm, kể từ ngày chấp
hành xong QĐXP hành
chính khác hoặc kể từ ngày
hết thời hiệu thi hành QĐXP
mà không tái phạm.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

IV: NHỮNG HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM (Điều 12 - Luật)

1. Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
3. Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.
4. Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
5. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc

— 12 áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng quy định tại Luật này.

NHỮNG HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

- 6.[\[11\]](#) Xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.
7. Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính.
8. Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- 8a.[\[12\]](#) Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.
9. Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

NHỮNG HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

10. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

11. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị xử phạt vi phạm hành chính, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

12. Chống đối, trốn tránh, trì hoãn hoặc cản trở chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

V: TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, GIẢM NHẸ

Điều 9, 10 Luật XLVPHC



Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được sử dụng để xác định mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính. Cụ thể: Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

V: TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, GIẢM NHẸ

NĐ 102 bổ sung điểm đ, e vào K3 Đ5 NĐ 128

Mức tiền phạt cụ thể đối với các HVVP (trừ vi phạm về thuế) là mức trung bình của khung phạt tiền.

Một hành vi vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ theo nguyên tắc 1:1.

Mỗi tình tiết tăng nặng được tính tăng 10% mức tiền phạt trung bình của khung nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Mỗi tình tiết giảm nhẹ được giảm 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt nhưng không giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

VI: PHẠT TIỀN TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ TÌNH TIẾT NẶNG, GIẢM NHẸ

Theo Nghị định 118

Mức phạt tiền cụ thể đối với 1 hành vi vi phạm là mức trung bình của khung tiền phạt

Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên → áp dụng mức tối thiểu khung

Có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên → áp dụng mức tối đa của khung

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

VII: TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ



Theo quy định của **Luật Xử lý VPHC** thì có 7 tình tiết giảm nhẹ như: tự nguyện khai báo, thành thật lỗi, có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại.



Ngoài ra, **Nghị định 128/2020/NĐ-CP** quy định thêm 01 tình tiết giảm nhẹ:
-Tang vật vi phạm có trị giá không quá 50% mức tiền phạt tối thiểu của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

VII: TÌNH TIẾT TẶNG NẶNG

Có 12 tình tiết tăng nặng.

- a) Vi phạm hành chính có tổ chức;
- b) Vi phạm hành chính nhiều lần; tái phạm;
- c) Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm hành chính;
- d) Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để vi phạm hành chính;
- đ) Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm hành chính có tính chất côn đồ;
- e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính;

TÌNH TIẾT TẶNG NẶNG

- g) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính;
- h) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính;
- i) Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;
- k) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính;
- l) Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;
- m) Vi phạm hành chính đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

VIII: NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XLVPHC

Điều 11 Luật, Điều 6 Nghị định 128

1

Các trường hợp không xử phạt theo quy định tại Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (5 trường hợp: thực hiện HVVP trong tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ, sự kiện bất khả kháng, không có năng lực TNHC, chưa đủ tuổi).

Hàng hóa, phương tiện vận tải được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do sự kiện bất ngờ, sự kiện bất khả kháng thì phải thông báo với cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật;

2

Các trường hợp được khai bổ sung hồ sơ hải quan trong thời hạn theo quy định của pháp luật (Đ29 LHQ; điểm a, b khoản 1 Đ20 TT 38/2015 sửa đổi theo TT 39/2018).

3

Các trường hợp người khai hải quan thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

VIII: NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XLVPHC

Điều 11 Luật, Điều 6 Nghị định 128

4

Trường hợp hàng hoá gửi vào Việt Nam không phù hợp với hợp đồng theo quy định tại **Điều 39 Luật Thương mại năm 2005**.

Trừ hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng giả, phế liệu không thuộc Danh mục được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Được người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng thông báo bằng văn bản (nêu rõ lý do) kèm theo các chứng từ liên quan tới Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa khi chưa đăng ký tờ khai hải quan.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

VIII: NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XLVPHC

Quy định tại các Điều về hành vi vi phạm

5

Vi phạm quy định tại Điều 9 Nghị định, nhưng số tiền thuế chênh lệch không quá 500.000 đồng/tờ khai đối với vi phạm do cá nhân thực hiện, 2.000.000 đồng/ tờ khai đối với vi phạm do tổ chức thực hiện (khoản 5 Điều 9).

6

Khai sai về lượng mà tang vật có trị giá không quá 10.000.000 đồng đối với các hành vi tại điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm d khoản 4, khoản 5 Điều 8.

7

Vi phạm quy định về khai hải quan đối với ngoại tệ, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý khác, đá quý của người xuất cảnh, nhập cảnh mà tang vật vi phạm có trị giá dưới 5.000.000 đồng (Điều 10).

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT

VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

1. Nhóm hành vi vi phạm về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế (Điều 7).
2. Nhóm hành vi về khai hải quan (Điều 8);
3. Nhóm hành vi vi phạm pháp luật về thuế (khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; trốn thuế (Điều 9, Điều 14).
4. Nhóm hành vi vi phạm về kiểm tra, giám sát, kiểm soát (Điều 11, Điều 12, Điều 13).
5. Nhóm hành vi vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gồm 8 điều, được quy định từ Điều 15 đến Điều 22 Nghị định.
6. Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, quản lý kho, cửa hàng miễn thuế (Điều 23).
7. Nhóm hành vi vi phạm quy định về khai hải quan của người xuất cảnh, nhập cảnh đối với ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt, vàng, kim loại quý khác, đá quý (Điều 10).
8. Nhóm vi phạm quy định liên quan đến cưỡng chế thi hành quyết định hành chính (Điều 25)

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

1. NHÓM HÀNH VI VI PHẠM VỀ THỜI HẠN LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN, NỘP HỒ SƠ THUẾ (ĐIỀU 7).

- Không tuân thủ quy định của Luật Hải quan, các văn bản hướng dẫn Luật có quy định về thời hạn phải làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế
 - Các hành vi: Không khai, nộp, xuất trình, cung cấp thông tin hồ sơ HQ đúng thời hạn; Không khai bổ sung đúng thời hạn quy định khi có sự thay đổi thông tin số hiệu container hàng hóa xuất khẩu; cảng xếp hàng; cửa khẩu xuất hàng; phương tiện vận chuyển hàng xuất khẩu, nộp hồ sơ xét hoàn thuế quá thời hạn quy định; không tái xuất, tái nhập hàng hoá đúng thời hạn quy định... Lưu giữ hàng hoá quá cảnh trên lãnh thổ
- 26 quá thời hạn quy định...

Hình thức xử phạt:

Phạt tiền: Từ 500.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

2. NHÓM HÀNH VI VỀ KHAI HẢI QUAN (ĐIỀU 8);

- Khai sai so với thực tế về lượng (tang vật có trị giá trên 10 triệu đồng), tên hàng, chủng loại, xuất xứ hàng hóa là hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Khai sai so với thực tế về lượng (tang vật có trị giá trên 10.000.000 đồng), tên hàng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan, xuất xứ, mã số hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế nhưng không làm ảnh hưởng đến số thuế phải nộp
- Đã làm thủ tục hải quan nhưng không xuất khẩu, xuất khẩu thiếu so với khai hải quan về tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu (trừ sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất xuất khẩu...

Hình thức xử phạt:

Phạt tiền: Từ 500.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

3. NHÓM HÀNH VI VI KHAI SAI DẪN ĐẾN THIẾU SỐ THUẾ PHẢI NỘP HOẶC TĂNG SỐ THUẾ ĐƯỢC MIỄN, GIẢM, HOÀN (ĐIỀU 9).

- Khoản 1 quy định hành vi vi phạm, khoản 2, khoản 3 quy định mức phạt tiền (10%, 20%) đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1
- Khai sai về lượng, tên hàng, chủng loại, chất lượng, trị giá, mã số hàng hoá; Khai sai về đối tượng không chịu thuế, đối tượng miễn thuế, hàng quản lý theo hạn ngạch thuế quan...
- **Mức phạt:**
 - **Phạt 10%:** + Sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan;
 - + Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra đối với hàng hóa đã được thông quan;
 - + Quá thời hạn quy định khai bổ sung báo cáo quyết toán nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan ban hành quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán.
 - **Mức phạt 20%:** Áp dụng cho các trường hợp còn lại

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

4. HÀNH VI TRỐN THUẾ (ĐIỀU 14)

- Khai sai mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế đối với những mặt hàng đã được Bộ Tài chính, cơ quan hải quan hướng dẫn mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế theo quy định; Sử dụng hàng thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế không đúng mục đích.
- Không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, ... hàng hóa XNK mà cơ quan hải quan phát hiện khi thanh tra, kiểm tra đối với hàng hóa đã thông quan nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm.

“Cấu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa nhằm mục đích trốn thuế” (điểm I khoản 1)

● Hình thức xử phạt:

- + Phạt 01 lần số tiền thuế trốn trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng;
- + Có tình tiết tăng nặng thì mỗi tình tiết tăng nặng mức phạt tăng lên 0,2 lần nhưng không vượt quá 03 lần số tiền thuế trốn.

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

LĨNH VỰC HẢI QUAN

5. VI PHẠM VỀ KHAI HẢI QUAN CỦA NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH ĐỐI VỚI NGOẠI TỆ, ĐỒNG VIỆT NAM BẰNG TIỀN MẶT, VÀNG, KIM LOẠI QUÝ KHÁC, ĐÁ QUÝ (ĐIỀU 10)

Gồm một số các hành vi:

- Không khai hoặc khai sai về ngoại tệ, tiền VN bằng tiền mặt, vàng, kim loại quý khác, đá quý mang theo khi xuất cảnh, nhập cảnh;
- Xuất cảnh, nhập cảnh mang theo vàng, ngoại tệ thuộc diện không được mang theo mà không khai hoặc khai sai.

Hình thức xử phạt:

Phạt tiền: Tối thiểu
1.000.000 đồng,
tối đa
50.000.000 đồng

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

7. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA HẢI QUAN, THANH TRẢ (ĐIỀU 11)

- Hành vi “không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan hải quan” (khoản 4)
- Hành vi “Cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật” (điểm b khoản 3).
- “Không cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật” (điểm b khoản 5).
- Lập báo cáo quyết toán không đúng so với sổ, chứng từ kế toán, tờ khai hải quan mà không thuộc trường hợp khai thiếu thuế”
- Hành vi “Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thực tế không đúng với khai hải quan về tên hàng, số lượng mà không có chứng từ để khai bổ sung theo quy định về khai bổ sung của pháp luật hải quan” (khoản 8)
- Bán hàng hóa có nguồn gốc hợp pháp tại cửa hàng miễn thuế mà không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định” (khoản 6) và hành vi “Bán tại cửa hàng miễn thuế loại hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa chưa được phép phổ biến, lưu hành tại Việt Nam theo quy định

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

8. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN (ĐIỀU 12)

- Không bảo quản nguyên trạng niêm phong hải quan;
- Tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hoá; không bảo quản nguyên trạng hàng...
- Tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào VN.(Điểm b khoản 4)
- Tự ý tiêu thụ hàng hoá...

Hình thức xử phạt:

- *Phạt tiền*: từ 5.000.000 đồng - 80.000.000 đồng
- *Phạt bổ sung*: tịch thu tang vật vi phạm quy định tại điểm b khoản 4. Khi tang vật không còn thì buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm.
- Quy định trường hợp đồng thời vi phạm quy định về giám sát hải quan mà số tang vật này lại vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì xử phạt về cả 02 hành vi vi phạm (khoản 9)

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

9. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT HẢI QUAN (ĐIỀU 13)

- Đưa phương tiện vận tải qua lại biên giới quốc gia trên đất liền không đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định; không làm thủ tục hải quan theo quy định.
- Vận chuyển phế liệu vào Việt Nam cho người nhận hàng trên Bản lược khai hàng hóa không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.
- Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp lệ trong địa bàn hoạt động hải quan;
- Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới mà không phải là tội phạm.
- Bốc dỡ hàng hóa không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hóa, vận tải đơn.

HÌNH THỨC XỬ PHẠT

- Phạt tiền: tối thiểu: 1.000.000 đồng; tối đa: 60.000.000đ.
- Phạt bổ sung: tịch thu tang vật vi phạm. Tang vật vi phạm không còn thì buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm.

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

10. NHÓM HÀNH VI VI PHẠM CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU GỒM 8 ĐIỀU (ĐIỀU 15 – ĐIỀU 22)

Trên cơ sở các quy định về chính sách quản lý hàng hoá XNK của Chính phủ như: Tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập hàng hóa phải có giấy phép mà không có giấy phép; Xuất khẩu, nhập khẩu, đưa vào Việt Nam hàng hóa thuộc diện tạm ngừng, cấm xuất khẩu, nhập khẩu.... Tạm nhập - tái xuất hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép; thuộc danh mục cấm kinh

- **Phạt tiền:** Tối thiểu 500.000 đồng, tối đa 60.000.000
- **Phạt bổ sung:** Tịch thu tang vật vi phạm
- **Biện pháp KPHQ:** buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tiêu huỷ, buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm.

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

11. NHÓM HVVP CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GỒM 8 ĐIỀU, (TỪ ĐIỀU 15 - ĐIỀU 22)

1. “Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia hoặc có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam” (Điều 16)
2. “Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam” (Điều 17)
3. “Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch nhưng không có hạn ngạch” và “xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành mà không có thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật” (khoản 1 Điều 18)
4. “Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu” (Điều 19)
5. “Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc danh mục kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện mà không đủ điều kiện để kinh doanh tạm nhập, tái xuất” (khoản 3 Điều 20)

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

11. NHÓM HVVP CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GỒM 8 ĐIỀU,
(TỪ ĐIỀU 15 - ĐIỀU 22)

6. Hành vi “*mang vào hoặc mang ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trái phép ma túy, vũ khí, pháo các loại thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu*” thì Nghị định quy định xử phạt theo quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP **(Nay là Nghị định 144/2021/NĐ-CP)**

7. Hành vi “*vận chuyển ngà voi, sừng tê giác thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu*” thì Nghị định quy định xử phạt về hành vi “*Vận chuyển lâm sản trái pháp luật*” quy định tại Điều 22 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP **(sửa đổi theo Nghị định 07/2022/NĐ-CP)**

8. Hành vi “*xuất khẩu, nhập khẩu ngà voi, sừng tê giác thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu*” thì Nghị định quy định xử phạt về hành vi “*mua bán lâm sản trái pháp luật*” quy định tại Điều 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP **(sửa đổi theo Nghị định 07/2022/NĐ-CP)** (khoản 3 Điều 15 Nghị định).

Vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế (Điều 23-NĐ 128)

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đưa hàng hóa, máy móc, thiết bị từ nội địa vào kho ngoại quan để phục vụ cho các hoạt động đóng gói, phân loại, bảo dưỡng mà không thông báo với cơ quan hải quan;

b) Thực hiện các dịch vụ gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa, phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa và lấy mẫu hàng hóa trong kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan theo dõi, giám sát;

c) Chuyển quyền sở hữu hàng hóa gửi kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan quản lý, theo dõi;

d) Không đưa hàng hóa, nguyên liệu, vật tư ra khỏi kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế khi quá thời hạn lưu giữ theo quy định.

Vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế (Điều 23-NĐ 128)

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Di chuyển hàng hóa từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác khi chưa có văn bản đồng ý của người có thẩm quyền của cơ quan hải quan nơi quản lý kho ngoại quan;
- b) Mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan không được phép của cơ quan hải quan;
- c) Thực hiện các dịch vụ không được phép trong kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ;
- d) Không thực hiện chế độ báo cáo đối với kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ đúng thời hạn quy định.

Vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế (Điều 23-NĐ 128)

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Đưa vào kho ngoại quan hàng hóa thuộc diện không được gửi kho ngoại quan theo quy định của pháp luật;
- b) Tẩu tán hàng hóa lưu giữ trong kho ngoại quan;
- c) Tiêu hủy hàng hóa lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế không đúng quy định pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ; Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính là văn hóa phẩm có nội dung độc hại; Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên nhãn hàng hóa trước khi đưa tang vật vi phạm hành chính ra khỏi lãnh thổ Việt Nam

Vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (trừ kho ngoại quan, kho bảo thuế (Điều 24 – NĐ 128)

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - a) Không thông báo đúng thời hạn tình hình hàng hóa tồn đọng tại cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan;
 - b) Không sắp xếp hàng hóa trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu giám sát, quản lý của cơ quan hải quan.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:
 - a) Không thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ chứng từ, sổ sách, số liệu hàng hóa đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi theo quy định của pháp luật và xuất trình, cung cấp cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;
 - b) Không thực hiện việc cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan hải quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát hàng hóa ra, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.
3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cho phép đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi khi chưa nhận được thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hoặc đã nhận được thông tin tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan.

Vi phạm quy định liên quan đến cưỡng chế thi hành quyết định hành chính (Điều 25 –NĐ 128)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp không thực hiện trích chuyển tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan của người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Phạt tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với số tiền thuế nợ phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, trừ trường hợp các tài khoản của người nộp thuế không còn số dư hoặc đã trích chuyển toàn bộ số dư tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước nhưng vẫn không đủ số tiền thuế nợ mà người nộp thuế phải nộp.
3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương, thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế của cơ quan hải quan.

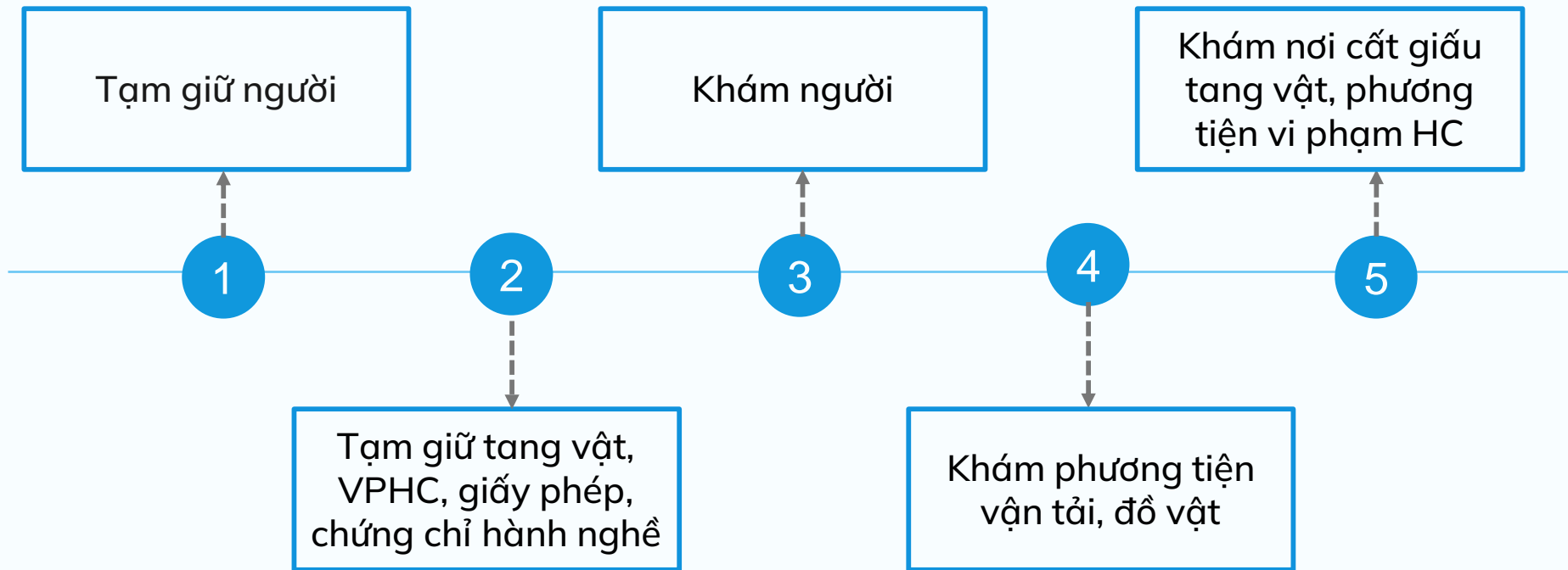
Vi phạm quy định liên quan đến cưỡng chế thi hành quyết định hành chính (Điều 25 –NĐ 128)

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, chứng từ, tài liệu, nội dung giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế mở tại tổ chức tín dụng liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính thuế trong lĩnh vực hải quan.

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM VIỆC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH



Các biện pháp thường áp dụng trong lĩnh vực hải quan



THẨM QUYỀN XPVPHC TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VPHC

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

- Công chức Hải quan đang thi hành công vụ (CN: 500.000đ; TC: 01 triệu đ)
- Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan (CN: 5tr; TC: 10 triệu đ)
- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan (CN: 25tr; TC: 50 triệu đ)
- Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (CN: 50tr; TC: 100 triệu đ)
- Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan (CN: 100 tr; TC: 200 triệu đ)

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VPHC TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

■ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

■ Trường hợp vụ việc vượt thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục HQ tỉnh thì chuyển để Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định xử phạt; trường hợp vụ việc vượt thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục ĐTCBL, Cục Kiểm tra STQ thì chuyển để Tổng cục trưởng ra quyết định xử phạt.

■ Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi quy định tại Điều 13 Nghị định 128.

■ Chi cục trưởng Chi cục HQ, Cục trưởng Cục HQ tỉnh, liên tỉnh, TP trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục ĐTCBL, Cục trưởng Cục KTSTQ và Tổng cục trưởng TCHQ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

GIAO QUYỀN XỬ PHẠT VPHC

TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Ngoài quy định người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (cấp trưởng) có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì Luật có bổ sung tại **Điều 54** như sau:

- Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc, đồng thời với việc giao quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 119 của Luật này.
- Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC



KHÔNG BIÊN BẢN

Xử phạt vi phạm hành
chính không lập biên bản



CÓ BIÊN BẢN

Xử phạt vi phạm hành
chính có lập biên bản

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC



XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH KHÔNG LẬP BIÊN BẢN

- Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với các nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.



THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

- Biên bản vi phạm hành chính là văn bản có hiệu lực pháp lý xác định tính hợp pháp của quyết định xử phạt.
- Được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính mà không thuộc trường hợp xử phạt tại chỗ.
- **Về hình thức biên bản VPHC:** Có thể đánh máy hoặc viết tay nhưng không được viết bằng hai loại mực; biên bản chỉ do một người viết để đảm bảo tính thống nhất của biên bản

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

1. Về thời điểm lập biên bản VPHC: Khi phát hiện VPHC phải kịp thời lập biên bản (K1 Đ58 giữ nguyên). **NĐ 118** quy định:

02 ngày làm việc

kể từ khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga

02 ngày
làm việc

02 ngày làm việc
kể từ khi phát hiện VPHC

02 ngày
làm việc

05 ngày
làm việc

05 ngày làm việc
kể từ khi phát hiện VPHC vụ việc phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng quyền lợi tổ chức, cá nhân

03 ngày làm việc

kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan (*vụ việc có nhiều hành vi, trong đó có hv được phát hiện như trên*)

3 ngày làm
việc

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

Người lập biên bản

- Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định tại Điều 27 Nghị định 128/2020/NĐ-CP.
- Đó là công chức đang được giao nhiệm vụ thi hành công vụ tại địa bàn hoạt động hải quan hoặc đang thực hiện các hoạt động nghiệp vụ hải quan (đăng ký thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan, giám sát hải quan,...).
- Người có thẩm quyền lập BBVP chỉ được lập biên bản về những vi phạm thuộc lĩnh vực, phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao. *(Hành vi có dấu hiệu VPHC không thuộc thẩm quyền lập biên bản hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền phải lập biên bản làm việc ghi nhận sự việc và chuyển ngay đến người có thẩm quyền – NĐ 118)*



THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

Ghi tổ chức, cá nhân vi phạm trong biên bản



CÁ NHÂN

Ghi rõ họ tên, năm sinh, giới tính, quốc tịch, số CMND/số định danh cá nhân/số hộ chiếu/giấy thông hành/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nơi ở hiện tại và các yêu cầu thông tin khác theo chỉ dẫn tại mẫu BB



TỔ CHỨC

- Ghi rõ tên tổ chức vi phạm, địa chỉ, họ tên người đại diện theo pháp luật, chức danh...
- Thông tư 90: Ghi họ và tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên, chức danh của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên, chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp).

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

Giải trình (Điều 61 Sửa đổi bổ sung)



Trường hợp giải trình:

Đối với hành vi VPHC mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định (*Luật Xử lý 2012 quy định là áp dụng*) mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình.

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

Giải trình – Điều 61 Sửa đổi bổ sung

Hình thức và thời hạn giải trình:

**Giải
trình
trực
tiếp**

- Gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập BBVPHC.
- Người có thẩm quyền xử phạt thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức giải trình trong thời hạn 05 ngày làm việc (Luật 2012 –05 ngày), kể từ ngày nhận được yêu cầu.

**Giải
trình
bằng
VB**

- Gửi văn bản giải trình trong thời hạn 05 ngày làm việc (Luật 2012 - 05 ngày), kể từ ngày lập biên bản VPHC.
- Vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá 05 ngày làm việc (Luật 2012 - 05 ngày).

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỦ TỤC XỬ PHẠT CÓ LẬP BIÊN BẢN

Giải trình – Điều 17 Nghị định 118

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không gửi văn bản giải trình hoặc không gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải trình trong thời hạn quy định hoặc ghi rõ ý kiến trong biên bản vi phạm hành chính về việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật (07 ngày, 10 ngày làm việc).

Không
gửi VB
Giải
trình
hoặc
xin gia
hạn

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có yêu cầu giải trình theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 Luật, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 66 Luật (01 tháng hoặc 02 tháng).

THỦ TỤC XỬ PHẠT VPHC

THỜI HẠN RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT (Luật SĐBS 2020)

07 ngày
làm việc

Vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC

10 ngày
làm việc

Vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp cơ quan TTTHS chuyển hồ sơ cho cơ quan hải quan để xử phạt VPHC.

01 tháng

Vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC

02 tháng

Vụ việc có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết liên quan này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VPHC

NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VPHC



Gồm có các nội dung như:

Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định, Biên bản VPHC, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm (nếu có); hành vi vi phạm; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; hình thức xử phạt chính, hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả; hiệu lực của quyết định; thời hạn thi hành quyết định xử phạt; trách nhiệm thi hành quyết định và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành QĐXP; quyền khiếu nại, khởi kiện của cá nhân, tổ chức vi phạm

HOÃN THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH PHẠT TIỀN (Đ 76 – Luật);

1. Việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;
- b) Cá nhân đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh.

Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

Trường hợp tổ chức đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

HOÃN THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH PHẠT TIỀN (Đ 76 – Luật);

2. Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

3. Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật này.

Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật)

1. Việc giảm một phần tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt đối với cá nhân, tổ chức đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này được quy định như sau:

a) Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

b) Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật)

2. Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

b) Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật)

3. Tổ chức được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

- a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này;
- b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;
- c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật)

4. Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

b) Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật)

5. Tổ chức được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

- a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này;
- b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;
- c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật)

6. Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.

Thủ tục nộp tiền phạt (Điều 78 – Luật)

1. **[128]** Trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 68 hoặc khoản 2 Điều 79 của Luật này, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu quá thời hạn nêu trên sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.
2. Tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

Thủ tục nộp tiền phạt (Điều 78 – Luật)

Trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

3. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị phạt tiền phải nộp tiền phạt một lần, trừ trường hợp quy định tại Điều 79 của Luật này.

Mọi trường hợp thu tiền phạt, người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt.

Nộp tiền phạt nhiều lần (Điều 79 – Luật)

1. [\[129\]](#) Việc nộp tiền phạt nhiều lần được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân và từ 150.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức;

b) Đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần. Đơn đề nghị của cá nhân phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế. Đơn đề nghị của tổ chức phải được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế.

Nộp tiền phạt nhiều lần (Điều 79 – Luật)

2. Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực; số lần nộp tiền phạt tối đa không quá 03 lần.

Mức nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt.

3. Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần. Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần phải bằng văn bản.

Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Điều 34 - NĐ 128)

1. Đối tượng được miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính:

- a) Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;
- b) Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan được miễn, giảm tiền phạt theo quy định tại Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gồm:

- a) Văn bản đề nghị miễn tiền phạt, trong đó nêu rõ: Lý do đề nghị miễn tiền phạt; giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, chi phí chữa bệnh, bệnh hiểm nghèo, hoặc trường hợp bất khả kháng khác; số tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (nếu có) đề nghị miễn; số, ký hiệu, ngày, người ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đề nghị miễn tiền phạt;
- b) Trường hợp thiệt hại về tài sản, chữa bệnh được cơ quan bảo hiểm bồi thường (nếu có) thì phải kèm theo văn bản chứng thực về bồi thường thiệt hại, về thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Điều 34 - ND 128)

c) Văn bản của một trong các cơ quan, tổ chức sau: Công an xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng; cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy xác nhận người nộp thuế bị thiệt hại do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ và thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp có văn bản công bố tình trạng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trình tự miễn tiền phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt do vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đến người đã ra quyết định xử phạt;

Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Điều 34 - NĐ 128)

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ nhận đủ hồ sơ người đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm lập hồ sơ, kiểm tra thông tin, thẩm định tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và gửi đến cấp trên trực tiếp.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, người đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung theo quy định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cấp trên trực tiếp phải xem xét quyết định và thông báo cho người đã ra quyết định xử phạt, người có văn bản đề nghị miễn biết; nếu không đồng ý với việc miễn tiền phạt thì phải nêu rõ lý do.

4. Không miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp đã thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

THI HÀNH BIÊN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Nguyên tắc: cá nhân, tổ chức VPHC có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.

Trong một số trường hợp đặc biệt như: không xác định được đối tượng VPHC; cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ VPHC phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

**PHẦN THỨ BA:
KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
VỀ QUYẾT ĐỊNH XPVPHC**

Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính (Đ 15 – Luật)

1. Cá nhân, tổ chức bị xử lý vi phạm hành chính có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
2. Cá nhân có quyền tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
3. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc chung

1. Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

2. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật TTHC.

Thời hiệu khiếu nại

1. Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

3.1 Khiếu nại lần 1:

Người ra quyết định xử phạt hoặc quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính về Hải quan có trách nhiệm giải quyết khiếu nại lần đầu.

Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản và gửi quyết định này cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.2 Khiếu nại lần 2:

+ Đối với quyết định xử phạt của Đội trưởng Đội nghiệp vụ thì Chi cục trưởng Hải quan giải quyết khiếu nại lần hai;

+ Đối với các quyết định xử phạt của Chi cục trưởng Hải quan (bao gồm Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục trưởng Chi cục trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan); Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan thì thẩm quyền giải quyết lần hai là Cục trưởng Cục Hải quan. Đối với các quyết định xử phạt của Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan thì thẩm quyền giải quyết lần hai là Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan;

+ Đối với các quyết định xử phạt hoặc quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính về Hải quan mà Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan đã giải quyết nhưng còn khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo là Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Thụ lý và Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật này, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

2. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Thụ lý và Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết; trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.
2. Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, nếu thấy cần thiết, người giải quyết khiếu nại lần hai thành lập Hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại.
3. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.
Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Quyết định giải quyết khiếu nại

- Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản; không dùng công văn, thông báo, biên bản cuộc họp hoặc hình thức văn bản khác để thay thế quyết định giải quyết khiếu nại.
- Quyết định giải quyết khiếu nại phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 31 (lần đầu) và Điều 40 (lần hai) của Luật Khiếu nại
- Quyết định giải quyết khiếu nại được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, lợi ích liên quan và công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

Công khai QĐ giải quyết khiếu nại

a) Gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết khiếu nại hoặc người có thẩm quyền, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp.

b) Gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại lần 2

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến.

Người giải quyết khiếu nại lần hai lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai sau đây:

- Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác;
- Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại;
- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Trân trọng cảm ơn!